

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 15 tháng 5 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 11/2025/TLST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Cụ Bùi Thị M, sinh năm 1948. Địa chỉ: Xóm T, xã V, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

- *Bị đơn*: Ông Bùi Văn D, sinh năm 1974. Địa chỉ: Xóm T, xã V, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập*:

Bà Bùi Thị L, sinh năm 1972. Địa chỉ: Xóm B, xã A, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Bà Bùi Thị M1, sinh năm 1977. Địa chỉ: Xóm T, xã V, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên bị đơn*: Bà Bùi Thị H, sinh năm 1977. Địa chỉ: Xóm T, xã V, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Tài sản chung của vợ chồng cụ Bùi Văn N và cụ Bùi Thị M là quyền sử dụng 1.442m² tại: xóm T, xã V, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Năm 2007, cụ Bùi Văn N chết không để lại di chúc. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Bùi Văn N được xác định gồm cụ Bùi Thị M và các con cụ Bùi Văn N gồm bà Bùi Thị L, ông Bùi Văn D và bà Bùi Thị M1. Di sản thừa kế của cụ Bùi Văn N xác định là quyền sử dụng ½ diện tích thửa đất chung là 721m², tứ cận: phía Đông Bắc giáp đất

hộ ông Bùi Văn P; phía Đông và Đ giáp đường liên thôn; phía Tây Nam giáp đất thuộc quyền sử dụng của cụ Bùi Thị M; phía Tây Bắc giáp đất ông Bùi Văn D khai phá.

2. Mỗi kỷ phần là 180,25m² đất, chiều rộng theo mặt đường liên thôn bình quân là 05m, chiều sâu bình quân là 36,45m. Di sản được chia trên thực địa vị trí như sau: vị trí thứ nhất lấy ranh giới với đất ông Bùi Văn P làm chuẩn là thửa đất chia cho bà Bùi Thị L, tiếp giáp là thửa đất chia cho bà Bùi Thị M1, tiếp giáp là thửa đất chia cho ông Bùi Văn D và đến đất chia cho cụ Bùi Thị M. (Có sơ đồ đo vẽ kèm theo). Trên đất có các tài sản là nhà và cây cối do vợ chồng ông Bùi Văn D tạo lập. Khi những người được hưởng thừa kế sử dụng đất thực tế hoặc chuyển quyền sử dụng đất thì vợ chồng ông Bùi Văn D có nghĩa vụ tháo dỡ, thu hoạch những tài sản liên quan để trả lại đất cho người sử dụng đất hợp pháp.

Phần đất còn lại của cụ Bùi Thị M chung với cụ Bùi Văn N và phần đất của cụ Bùi Thị M được thừa kế giáp liền nhau và giáp phần đất ông Bùi Văn D được thừa kế. Toàn bộ đất này cụ Bùi Thị M đồng ý để cho vợ chồng ông Bùi Văn D, bà Bùi Thị H quản lý, sử dụng.

2.2. Án phí: Cụ Bùi Thị M, ông Bùi Văn D, bà Bùi Thị L và Bùi Thị M1 mỗi người nhận chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Cụ Bùi Thị M được trừ vào 300.000 tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai số 0002551 ngày 07/3/2025; bà Bùi Thị L được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo Biên lai số 0002597 ngày 18/4/2025; bà Bùi Thị M1 được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0002596 ngày 18/4/2025. Cụ Bùi Thị M, bà Bùi Thị L và bà Bùi Thị M1 đã nộp xong án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- Viện KSND huyện Lạc Sơn;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Lạc Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phạm Cao Sơn